

PHỤ LỤC 01
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	6.217.123
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.719.100
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.498.023
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.832.401
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.665.622
B	TỔNG CHI NSDP	6.437.423
I	Tổng chi cân đối NSDP	4.771.801
1	Chi đầu tư phát triển	940.280
2	Chi thường xuyên	3.660.126
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương	2.365
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
5	Dự phòng ngân sách	91.030
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	77.000
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.665.622
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0
2	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	1.615.000
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	50.622
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	220.300
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	11.391
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	11.391
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	220.300

PHỤ LỤC 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	3.490.000	2.719.100
A	Thu nội địa	2.990.000	2.719.100
I	Thu cân đối ngân sách	2.990.000	2.719.100
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	520.000	520.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	38.000	38.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	270.000	226.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	891.000	891.000
5	Lệ phí trước bạ	116.000	116.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.500	3.500
7	Thuế thu nhập cá nhân	170.000	170.000
8	Thuế bảo vệ môi trường	325.000	156.000
9	Phí, lệ phí	67.000	52.000
10	Thu tiền sử dụng đất	340.000	340.000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	29.000	29.000
12	Thu khác ngân sách	97.000	59.000
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	35.000	30.100
14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	5.500	5.500
15	Xổ số kiến thiết	70.000	70.000
16	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	13.000	13.000
B	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	500.000	0

PHỤ LỤC 03
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
	TỔNG CHI NSDP	6.437.423
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	4.771.801
I	Chi đầu tư phát triển	940.280
-	Chi ĐTXDCB vốn trong nước	309.980
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	340.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000
-	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương (vay từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại)	220.300
II	Chi thường xuyên	3.660.126
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.567.767
2	Chi khoa học và công nghệ	20.985
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.365
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
V	Dự phòng ngân sách	91.030
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	77.000
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.665.622
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0
II	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm	1.615.000
1	Vốn nước ngoài	710.000
2	Vốn trong nước	905.000
III	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	50.622
1	Vốn nước ngoài	1.580
2	Vốn trong nước	49.042
-	Kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn	75
-	Vốn chuẩn bị động viên	5.000
-	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2.500
-	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	12.000
-	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ cho các quỹ bảo trì đường bộ địa phương	29.467

PHỤ LỤC 04

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
A	THU NSDP	6.217.123
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.437.423
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	220.300
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	543.820
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC	
I	Tổng dư nợ đầu năm	193.783
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	36%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	193.783
3	Vay trong nước khác	0
II	Trả nợ gốc vay trong năm	11.391
1	Theo nguồn vốn vay	11.391
	- Trái phiếu chính quyền địa phương	
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	11.391
	- Vốn khác	
2	Theo nguồn trả nợ	11.391
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
	- Bội thu NSDP	
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh	11.391
III	Tổng mức vay trong năm	220.300
1	Theo mục đích vay	220.300
	-Vay để bù đắp bội chi	220.300
	- Vay để trả nợ gốc	
2	Theo nguồn vay	220.300
	- Trái phiếu chính quyền địa phương	
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	220.300
	- Vốn trong nước khác	
IV	Tổng dư nợ cuối năm	402.692
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	74%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	402.692
3	Vốn khác	
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	2.357